

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/DS-ST
Ngày: 27/3/2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Sơn.
2. Bà Đặng Thị Mỹ Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh A tham gia phiên tòa: Ông Võ Phan Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 415/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2023/QĐST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp VT, xã V, huyện V1, thành phố CT.

Địa chỉ liên lạc: KV, phường T, quận TN, thành phố CT (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: số 79A -18, khóm B5, phường BK, thành phố L, tỉnh A (vắng mặt).

3. *Người làm chứng:*

3.1. Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1998.

Địa chỉ: ấp VT, xã VB, huyện V1, thành phố CT (có mặt).

3.2. Ông Lê Văn T1, sinh năm 1997.

Địa chỉ: KVB, phường TT, quận TN, thành phố CT (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 01/12/2022, bản khai thông tin ngày 23/12/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th trình bày:

Tháng 7/2022 ông Nguyễn Quang T đến cửa hàng nhôm kính Văn Th tại khu vực Thới An 4, phường TA, quận TN, thành phố CT do ông Nguyễn Văn Th làm chủ. Ông T yêu cầu đặt làm vách nhôm Xinfu nhập khẩu màu trắng sữa, kính 8ly, có kích thước chiều ngang 4,72m x chiều cao 3,51m, với giá 2.000.000đ/m², tổng số tiền 33.134.000đ, ông Th giảm 134.000đ.

Ngày 22/07/2022 theo thỏa thuận, ông Th thực hiện lắp đặt cửa nhôm cho ông T, hai bên thỏa thuận thống nhất ông T sẽ thanh toán 20.000.000đ ngay sau khi lắp đặt xong, số tiền còn lại 13.000.000đ sẽ thanh toán sau 3 tháng. Trong ngày 22/07/2022 ông Th thực hiện lắp đặt cửa nhôm cho ông T nhưng không thanh toán 20.000.000đ, đến nay hơn 3 tháng ông T tiếp tục không thanh toán 13.000.000đ.

Nhiều lần ông Th yêu cầu ông T thanh toán số tiền 33.000.000đ nhưng không thực hiện. Do đó, ông Th khởi kiện yêu cầu ông T thanh toán số tiền 33.000.000đ và tính lãi chậm trả theo mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước quy định.

Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Quang T vắng mặt, không có ý kiến trình bày, không đưa ra yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Người làm chứng ông Lê Văn T1 và ông Nguyễn Văn G cùng trình bày theo giấy xác nhận ngày 03/02/2023 do Văn phòng Công chứng Lưu Hữu Triết chứng thực và tại phiên tòa ông T1, G trình bày: Vào khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 22/07/2022, ông G và ông T1 có mặt tại nhà ông Nguyễn Quang T, tại địa chỉ số 79A, khóm BK5, phường BK, thành phố L, tỉnh A để thực hiện thi công, lắp đặt vách nhôm Xingfa - nhập khẩu, loại kính 8 li với kích thước chiều ngang 4,72m x chiều cao 3,51m. Do trần nhà của ông T có giạt cáp lên trên và hai bên có trám bằng Alu (hay còn gọi là nhôm ép nhựa) và bắn keo sữa, nhưng ông Nguyễn Văn Th vẫn tính chiều cao 3,51 x ngang 4,72 với giá 2.000.000đ/m², tổng số tiền là 33.134.000đ. Ông Th bớt còn lại 33.000.000đ; vách và cửa ra vào tính tổng cộng là 9 tấm kính, trám ron kính màu đen, dưới chân kính có nệm Alu, trong những góc là ke nhôm và ốc vít bằng inox, trong khoảng giữa ráp thanh nhôm là những thanh V, bast bấm ri vê và ốc vít 5 phân màu vàng, được bắt vào T là tắc kê 10 li màu xám, ốc vít màu vàng, kết hợp keo trắng sữa, trong phần vách có một cánh cửa gồm 04 bản lề 4 đề - 20cm màu trắng sữa, hiệu KINLONG và một ổ khóa đơn điểm màu trắng sữa hiệu KINLONG. Sau khi thực hiện hoàn xong khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, ông T có nhờ sửa

lại chốt cửa trước nhà, không liên quan đến việc lắp ráp cửa nhôm nhưng chúng tôi G, T1 vẫn hỗ trợ, khoảng 16 giờ 30 phút thì hoàn thiện, các anh em thợ thi công ra về. Ông T1, G cam kết lời trình bày nêu trên là hoàn toàn đúng sự thật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th yêu cầu ông Nguyễn Quang T thanh toán số tiền 33.000.000đ, tự nguyện rút lại một phần yêu cầu tính lãi chậm trả theo mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước quy định đối với số tiền 33.000.000đ. Nếu ông T không đồng ý trả tiền thì ông Th sẽ tháo dỡ vách, cửa kiến đã lắp đặt để trả lại cho ông Th. Trong thời gian Tòa án giải quyết bản thân ông T biết rất rõ ông Th đã khởi kiện tại Tòa án nhưng ông T nhiều lần cố tình né tránh, không trả tiền, gây khó khăn cho ông Th không có tiền trả chi phí nhân công, các nguyên vật liệu đã mua để lắp ráp, thi công cho ông T.

Gần đây, ông Th có liên hệ ông T đề thương lượng giải quyết, ông T không đồng ý và có lời hăm dọa sẽ đập phá cửa hàng nhôm của ông Th tại quận Thốt Nốt, thành phố CT; điều này cho thấy bản thân ông T biết rõ ông Th đang khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố L. Tuy nhiên, do tin tưởng ông T và mong muốn thi công mua bán để làm quen thị trường tại L, A nhưng lợi dụng sự tin tưởng nên ông T đã vi phạm thỏa thuận giữa hai bên nên ông Th yêu cầu ông T trả tiền vốn của hợp đồng mua bán tài sản.

Được biết ông T lắp đặt cửa nhôm nhằm để kinh doanh phun sấm nghề thuật cho vợ của ông T (không rõ họ tên) tại địa chỉ số 79A, khóm BK5, phường BK, thành phố L, tỉnh A. Việc kinh doanh có thu nhập nhưng không trả tiền cho ông Th là cố tình không trả nợ là vi phạm về nghĩa vụ thanh toán.

Bị đơn ông Nguyễn Quang T vắng mặt, không có ý kiến trình bày, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn G và ông Lê Văn T1 cam kết lời trình bày của hai ông là đúng sự thật, cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời trình bày trên.

Tại phần tranh luận:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th yêu cầu ông Nguyễn Quang T trả số tiền mua bán của kính với số tiền 33.000.000đ, tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về tính lãi chậm trả theo mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước quy định đối với số tiền 33.000.000đ.

Bị đơn ông Nguyễn Quang T vắng mặt.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh A:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách đương

sự, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của đương sự tại phiên tòa, sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa. Đối với nguyên đơn ông Th có mặt. Riêng bị đơn ông T vắng mặt không đến Tòa án giải quyết là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của ông theo Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và phải chịu hậu quả theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa thể hiện:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ như file ghi âm giọng nói của hai người nam, các tin nhắn hội thoại của hai tài khoản, giấy xác nhận của những người làm chứng ông Nguyễn Văn G, ông Lê Văn T1 xác định việc ông Nguyễn Quang T có mua và yêu cầu ông Nguyễn Văn Th lắp đặt vách nhôm Xingfa nhập khẩu, kính 08 li có kích thước chiều ngang 4,72m x chiều cao 3,51m với giá 2.000.000đ/m²; tổng số tiền 33.000.000đ vào ngày 22/07/2022 tại địa chỉ nhà số 79A, khóm BK5, phường BK là có thật trên thực tế, ông Th đã lắp đặt hàng hóa theo yêu cầu của ông T nhưng chưa thanh toán là vi phạm nghĩa vụ được quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015. Trong quá trình tố tụng ông T không nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu và các tài liệu, chứng cứ do ông Th cung cấp mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ. Đối với yêu cầu tính lãi chậm trả theo mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước quy định, tại phiên tòa ông Th rút lại nên đình chỉ.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 357, 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th. Buộc ông Nguyễn Quang T thanh toán số tiền 33.000.000đ cho ông Th. Đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi chậm trả theo mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho các đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th có mặt; Bị đơn ông Nguyễn Quang T vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, các thông báo cho các đương sự theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng tại phiên tòa ông Nguyễn Quang T vắng mặt. Do đó, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo yêu cầu

khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th yêu cầu ông Nguyễn Quang T thanh toán số tiền 33.000.000đ và tính lãi chậm trả theo mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước quy định. Xét yêu cầu của ông Th phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 430 Bộ luật Dân sự nên quan hệ pháp luật được xét là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Căn cứ theo Biên bản xác minh ngày 14/03/2023 có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Bình Khánh, thành phố L, tỉnh A thể hiện nội dung: “...thực tế xác định tại địa chỉ số 79A đường số 18, khóm BK5, phường BK, thành phố L, tỉnh A có ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1991 đang cư trú và làm việc tại địa chỉ nêu trên....”, nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L.

[3] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy theo hóa đơn ngày 22/07/2022 của Cửa hàng nhôm - kính Văn Th, do ông Nguyễn Văn Th làm chủ sở hữu thể hiện có bán cho ông Nguyễn Quang T, vách Xinfu nhập khẩu, loại kính 8ly, có kích thước chiều ngang 4,72m x chiều cao 3,51m, với giá 2.000.000đ/m², tổng số tiền 33.134.000đ, ông Th giảm 134.000đ. Ngày 22/07/2022 theo thỏa thuận phía ông Th thực hiện lắp đặt xong của nhôm cho ông T, hai bên thỏa thuận phía ông T sẽ thanh toán 20.000.000đ ngay sau khi lắp đặt xong, số tiền còn lại 13.000.000đ sẽ thanh toán sau 3 tháng. Ngay trong ngày 22/07/2022 ông Th thực hiện lắp đặt cửa nhôm cho ông T nhưng đến nay chưa thanh toán số tiền 33.000.000đ. Nhiều lần ông Th yêu cầu ông T trả tiền nhưng không thực hiện. Do đó, ông Th yêu cầu ông T thanh toán số tiền 33.000.000đ và tính lãi chậm trả theo mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước quy định. Bị đơn ông T vắng mặt không có ý kiến trình bày, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không đưa yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của ông Th. Theo nội dung vụ án thể hiện ông Th, ông T đã thỏa thuận mua bán phù hợp quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[4] Hội đồng xét xử nhận định về vụ án:

[4.1] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lời khai của người làm chứng Hội đồng xét xử nhận thấy: Hóa đơn ngày 22/07/2022, Cửa hàng nhôm-kính Văn Th có bán và lắp đặt cho ông T vách nhôm Xinfu nhập khẩu, loại kính 8ly, có kích thước chiều ngang 4,72m x chiều cao 3,51m, với giá 2.000.000đ/m², tổng số tiền 33.134.000đ và giảm 134.000đ. Ông Th cung cấp thêm các tài liệu, chứng cứ gồm các hình ảnh photocopy, chụp toàn màn hình tin nhắn Zalo giữa ông Th và ông T, nội dung tin nhắn có thể hiện các bên đã thỏa thuận làm vách nhôm Xinfu đã giữa bên bán là ông Th với bên mua là ông T và ông T chưa thanh toán cho ông Th số tiền 33.000.000đ. Xét thấy, hình ảnh chụp màn hình tin nhắn Zalo giữa ông Th và ông T được xác định là chứng cứ giao dịch điện tử theo khoản 3 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy, trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Quang T không có văn bản trình bày ý kiến phản bác đối với chứng cứ do ông

Th cung cấp, nên căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận chứng cứ giao dịch điện tử theo khoản 3 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4.2] Đối với lời khai của người làm chứng ông Lê Văn T1, ông Nguyễn Văn G và tại phiên tòa xác định: “ngày 22/07/2022 ông G và ông T1 có mặt tại nhà ông Nguyễn Quang T, tại địa chỉ số 79A đường số 18, khóm BK5, phường Bình Khánh, thành phố L, tỉnh A để lắp đặt cửa kính – nhôm, do xe tải mang biển kiểm soát số 65C – 09552 vận chuyển, lắp đặt vách nhôm Xingfa nhập khẩu, loại kính 8 li với kích thước ngang 4,72m x chiều cao 3,51; giá 2.000.000đ/m², tổng số tiền là 33.134.000đ phù hợp lời trình bày của ông Nguyễn Văn Th. Đối với lời trình bày của ông T1, ông G ông T không có ý kiến tranh chấp nên không có căn cứ xem xét ý kiến của ông T.

[4.3] Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Trong đó, tại biên bản tổng đạt ngày 13/01/2023 (BL30) thực hiện việc tổng đạt thông báo hoãn phiên hòa giải số 05/2023/TB-TA ngày 10/01/2023 cho ông T đã ký nhận trực tiếp phần người nhận văn bản ông T ký tên ghi rõ họ tên Nguyễn Quang T và các văn bản tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, thông báo kết quả hòa giải tại bút lục số 61, 65 thể hiện: “Tại thời điểm tổng đạt, đương sự (ông T) từ chối nhận”, các văn bản tổng đạt có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường BK, thành phố L nhưng bị đơn ông Nguyễn Quang T vắng mặt, không gửi văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham dự phiên tòa, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện, chứng cứ do nguyên đơn và lời trình bày của những người làm chứng, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của ông Th, như vậy ông T đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ được quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, có đủ căn cứ để Hội đồng xét xử xác định nguyên đơn ông Th có bán và lắp đặt vách nhôm Xingfa nhập khẩu, loại kính 8ly, có kích thước chiều ngang 4,72m x chiều cao 3,51m, với giá 2.000.000đ/m² cho ông T với số tiền 33.000.000đ (lẽ ra là 33.134.000đ) là thật. Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng mua bán tài sản quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận buộc ông Nguyễn Quang T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn Th số tiền 33.000.000đ.

[4.4] Về yêu cầu tính lãi chậm trả theo mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước quy định. Tại phiên tòa ông Th tự nguyện rút lại một phần yêu cầu trả lãi đối với số tiền 33.000.000đ, không yêu cầu ông T trả tiền lãi. Xét, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu tính lãi của ông Th là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định tại Điều 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận đình chỉ một phần yêu cầu của ông Th.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th được chấp nhận nên được nhận lại số tiền 825.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án đã nộp theo biên lai thu số 0001122, ngày 13/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh A. Ông Nguyễn Quang T phải chịu tiền án phí 1.650.000đ tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 91; khoản 3, 5 Điều 95; Điều 147; Điều 179; Điều 217; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 233; Điều 244; Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Điều 430, 440, 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th, buộc ông Nguyễn Quang T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn Th số tiền 33.000.000đ (ba mươi ba triệu đồng).

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th về việc yêu cầu ông Nguyễn Quang T tính lãi chậm trả theo mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước quy định.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Trả lại cho ông Nguyễn Văn Th số tiền 825.000đ (tám trăm, hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001122 ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh A.

Ông Nguyễn Quang T phải chịu số tiền 1.650.000đ (một triệu, sáu trăm năm mươi ngàn đồng) tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về quyền kháng cáo:

Ông Nguyễn Văn Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Quang T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Phương